

Bản án số: 01 /2019/HNGĐ-ST

Ngày 21/01/2019

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỀU, TP ĐÀ NẴNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Hữu Vinh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Nguyễn Công Chi**

2/ Bà **Huỳnh Thị Lệ**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Khuất Duy Toàn** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, Tp Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Ái Linh** – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 458/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2018 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Đinh Thị P** - Sinh năm: 1980. Địa chỉ: 06 đường D, phường P quận S, TP. Đ, có mặt.

- **Bị đơn:** Ông **Nguyễn Ngọc A** - Sinh năm: 1971. Địa chỉ: 177 đường T, phường H, quận L, TP. Đ, vắng mặt, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện và lời trình bày tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đinh Thị Phụng trình bày ý kiến:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông A kết hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận L, thành phố Đ, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi kết hôn, chúng tôi phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, bất đồng quan điểm sống. Trước khi kết hôn với tôi, ông A đã một lần kết hôn nhưng ly hôn. Hiện nay, ông A có quan hệ với một người phụ nữ khác. Bản thân tôi đã nhiều lần tha thứ cho ông A nhưng ông A vẫn không chấm dứt được mối quan hệ với người phụ nữ đó. Chúng tôi đã ly thân nhau từ năm 2017 đến nay, không còn quan tâm chăm sóc gì cho nhau nữa. Nay tôi nghĩ mâu thuẫn của chúng tôi đã

trầm trọng nên yêu cầu Tòa án cho tôi được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc A.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Tôi và ông Nguyễn Ngọc Ánh không có.

* Bị đơn là ông Nguyễn Ngọc A không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên tòa hôm nay, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng thống nhất về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn Đinh Thị P kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Bị đơn Nguyễn Ngọc A không chấp hành nghiêm pháp luật, vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Về nội dung vụ án: xét thấy về quan hệ hôn nhân mâu thuẫn của bà Đinh Thị P và ông Nguyễn Ngọc A đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật HNGĐ đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện cho bà Đinh Thị P ly hôn với ông Nguyễn Ngọc A. Con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà P xác định không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

1. Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị P đối với ông Nguyễn Ngọc A:

- **Quan hệ hôn nhân:** Bà Đinh Thị P và ông Nguyễn Ngọc A tự nguyện kết hôn vào năm 2014 và có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận L, thành phố Đ. Do đó, hôn nhân của ông A và bà P là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Bà P xác định vợ chồng bà có mâu thuẫn. Nguyên nhân của sự mâu thuẫn là do không hợp nhau về tính tình, quan điểm sống. Ông A có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, không quan tâm chăm sóc nhau trong cuộc sống vợ chồng. Hiện nay, ông bà đã ly thân nhau từ năm 2017 đến nay (sự việc này có xác nhận của địa phương nơi ông A cư trú). Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần thông báo hòa giải, tạo điều kiện cho ông A và bà P đoàn tụ nhưng ông A vẫn thờ ơ, không có nguyện vọng được hàn gắn quan hệ hôn nhân. Vì vậy, HĐXX xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng ông A và bà P đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài. Do đó, áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đinh Thị P đối với ông Nguyễn Ngọc A.

- **Quan hệ con chung, tài sản chung, nợ chung:** Bà P xác định không có nên HĐXX không xem xét, giải quyết

Nếu sau này ông A, bà P có tranh chấp về vấn đề tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Đinh Thị P chỉ chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 235, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị P đối với ông Nguyễn Ngọc A.

Tuyên xử: Bà Đinh Thị P được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc A.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) bà Đinh Thị P tự nguyện nộp, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0005785 ngày 04.10.2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Liên Chiểu – TP Đà Nẵng. Bà Đinh Thị P đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 12/11/2018). Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- Chi cục THADS quận Liên Chiểu;
- UBND phường H.
- Lưu.

Trần Hữu Vinh